

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.**
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.**

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: ấp X, xã Thường P 2, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lâu Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: ấp X, xã Thường P 2, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, ông Phạm Hồng T, trình bày:

Vào năm 1996, ông và bà Lâu Thị K sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thường P 2, huyện Hồng N năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình bà K, sau đó đi làm thuê trên tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phạm Chí N, sinh năm 1999 và Phạm Chí H, sinh năm 2001. Năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hay cãi vã và từ đó ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm được. Nay

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lâu Thị K. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn bà Lâu Thị K đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng bà K vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý K của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý K: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho ông Phạm Hồng T được ly hôn với bà Lâu Thị K. Về con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lâu Thị K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Phạm Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lâu Thị K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Hồng T và bà Lâu Thị K được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của ông T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa ông T và bà K đã phát sinh mâu thuẫn gia đình. Ông T và bà K không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập bà K đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa tổng cộng 4 lần nhưng bà K đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà K không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phạm Hồng T được ly hôn với bà Lâu Thị K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Đều trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý K phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Hồng T. Cho ông Phạm Hồng T được ly hôn với bà Lâu Thị K.

2. Về con chung: Đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Hồng T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số **0004025 ngày 07 tháng 10 năm 2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú